

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2021/DS-PT

Ngày: 10/5/2021

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản là quyền
sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên
cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 55/2021/TLPT-DS ngày 12/01/2021, về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Lê Phước B, sinh năm 1950 (Có mặt)

2/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1954 (Có mặt)

3/ Ông Lê Phước V, sinh năm 1966 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Phước Tr, sinh năm 1954 (Có mặt).

2/ Ông Lê Phước Đ, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

3/ Bà Lê Thị P, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

4/ Ông Lê Phước D, sinh năm 1966

Địa chỉ: 9 OD St Albans Vic 3021 melbourne Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Phước D:

Ông Lê Phước Tr (Có mặt)

5/ Ông Lê Phước T, sinh năm 1984

6/ Bà Phạm Út K, sinh năm 1983

7/ Bà Trần Thị M, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Lê Phước T, bà K có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mến: Ông Lê Phước B (Có mặt)

8/ Anh Lê Phước Tr1, sinh năm 1975

9/ Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

10/ Ông Trần Văn D, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

11/ UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Th, Chủ tịch UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh Tr, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Phước Tr, bà Lê Thị P, là bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn ông Lê Phước B, bà Lê Thị H, ông Lê Phước V trình bày:

Cha mẹ ông bà là cụ Lê Phát Đ chết năm 2008, cụ Trần Thị T chết năm 1972, cha mẹ có 08 người con gồm: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Phước B, ông Lê Phước Tr, bà Lê Thị H, bà Lê Thị P, ông Lê Phước Đ, ông Lê Phước D và ông Lê Phước V.

Khi còn sống cha mẹ đã tạo lập được tài sản là phần đất đã chia cho các con xong. Cha còn lại phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản chưa chia là 22.389,2m², trên đất có 01 căn nhà cấp bốn ngang 7m dài 12m và diện tích đất trồng lúa chưa chia là 8.670,6m².

Năm 2013, bà Đ tự ý chuyển tên diện tích đất 22.389,22m² để bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng. Khi nhà nước làm lộ ngang qua phần đất có giải phóng mặt bằng và bồi thường số tiền 184.953.250đồng bà Đ là người nhận, còn phần đất diện tích 8.670,62m² do ông Lê Phước Tr đang quản lý, sử dụng. Cha mẹ chết không để lại di chúc.

Nay ông B, bà Lê Thị H và ông V yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ chết để lại làm 08 phần bằng nhau, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất do bà Đ và ông Lê Phước Tr đứng tên, đồng thời yêu cầu hủy văn bản họp gia đình ngày 29/3/2013 và tờ phân chia tài sản ngày 20/01/2005.

Theo đơn và lời khai của phí bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Lê Phát Đ chết năm 2008, mẹ là cụ Trần Thị T chết năm 1976; Cha mẹ có 08 người con như các nguyên đơn trình bày là đúng. Khi cha còn sống có chia đất đai cho các anh em xong.

Cha còn lại 01 căn nhà, đất thổ cư, đất vườn tạp và đất nông nghiệp. Năm 2005, cha có làm Tờ phân chia các tài sản trên cho ông Lê Phước D, do ông Lê Phước D đang định cư ở nước ngoài nên không đăng ký quyền sử dụng đất.

Năm 2013, ông Lê Phước D về nước có làm văn bản họp gia đình ngày 29/3/2013 và làm thủ tục và nhờ bà đứng tên hộ diện tích đất của ông Lê Phước D được cha tặng cho. Phần đất hiện nay bà đứng tên là đất của ông Lê Phước D, không phải là đất của bà. Đối với phần đất nhà nước bồi thường do làm lộ thì bà có nhận số tiền 184.953.250 đồng nhưng đã đưa cho ông Lê Phước D, nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước Tr, ông Lê Phước D do ông Lê Phước Tr đại diện trình bày:

Cha là cụ Lê Phát Đ chết năm 2008, mẹ là cụ Trần Thị T chết năm 1976; Cha mẹ có 08 người con như các nguyên đơn trình bày là đúng. Các tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là của ông Lê Phước D, do khi cha còn sống năm 2005 cha có làm tờ phân chia tài sản là các tài sản đất đai nhà cửa của cha cho ông Lê Phước D, do ông Lê Phước D đang định cư ở nước ngoài nên không đăng ký tên được. Đến năm 2013, ông Lê Phước D về nước có làm văn bản họp gia đình ngày 29/3/2013 làm thủ tục nhờ bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất hộ ông Lê Phước D. Còn phần đất diện tích 8.670,6m² hiện nay do ông đứng tên quyền sử dụng đất, phần đất này trước năm 2005 cha còn sống đã bán cho Ông Lê Phước D, đến năm 2018 ông Lê Phước D đã bán cho ông. Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày:

Cha là cụ Lê Phát Đ chết năm 2008, mẹ là cụ Trần Thị T chết năm 1976; Cha mẹ có 08 người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Các tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là của cụ Lê Phát Đ đã tặng cho ông Lê Phước D. Các giấy tờ bà Đ đứng tên là do ông Lê Phước D nhờ đứng tên giùm. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước Đ trình bày:

Cha là cụ Lê Phát Đ chết năm 2008, mẹ là cụ Trần Thị T chết năm 1976; Cha mẹ có 08 người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Khi anh chị em ra riêng cha đã chia đất cho xong. Ông không có bàn bạc để bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất của cha. Nay ông không yêu cầu gì, nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông cũng không nhận thừa kế tài sản vì ông đã nhận đất cha đã cho trước đây.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông bà Trần Thị M do ông B đại diện trình bày: Bà M không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước T, bà Phạm Út K trình bày:

Ông bà có thuê đất nuôi tôm của ông Lê Phước D vào khoảng cuối năm 2016 đầu năm 2017, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, hàng năm anh chị đưa tiền thuê đất cho bà Đ để chi phí cúng kiến ông bà. Phần đất anh chị thuê khi nào ông Lê Phước D lấy lại thì đồng ý trả. Hiện nay anh chị đã đầu tư ủ ao và máy móc vật tư để nuôi tôm, nếu giao đất cho người khác thì phải hoàn trả giá trị tài sản mà anh chị đã đầu tư nuôi tôm trên phần đất, trường hợp giao đất cho ông Lê Phước D, thì anh chị tiếp tục thuê đất, không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày:

Ông là người thuê đất của ông Lê Phước Tr từ năm 2018, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ, diện tích đất thuê là 06 công tám cấy, mỗi năm trả tiền thuê là 5.000.000đồng, không có thỏa thuận thời gian trả đất, hiện nay ông không có đầu tư gì trên đất. Ông chỉ là người thuê đất, nên không có yêu cầu gì trong vụ án này, việc ông thuê đất của ông Lê Phước Tr thì ông với ông Lê Phước Tr tự giải quyết.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 30/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước B, bà Lê Thị H và ông Lê Phước V về việc yêu cầu bà Lê Thị Đ chia thừa kế tài sản của cụ Lê Phát Đ và cụ Trần Thị Tố.

2/ Giao cho bà Lê Thị Đ quản lý, sử dụng diện tích đất 22.047,92m² gồm các phần đất sau:

2.1/ Phần đất thứ nhất có diện tích 5.174m² (đã trừ diện tích bị thu hồi là 246,9m² và diện tích nhà mô 76.4m²) thuộc các thửa số 140, 141, 146, 147 tờ bản đồ số 59, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đường Giá Rai - Phong Tân, cạnh dài 48,20m

Hướng Tây giáp kênh Giá Rai - Phó Sinh, cạnh dài 62,22m

Hướng Nam giáp Lê Hoàng S, cạnh dài 100,58m

Hướng Bắc giáp Lê Phước B, Huỳnh Thị Y, cạnh dài 47,33 + 13,97 + 54,8m.

2.2/ Phần đất thứ hai, diện tích 16.873,9m² thuộc thửa số 23, 760, 774, tờ bản đồ số 59 và 11, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ V, cạnh dài 50,24m

Hướng Tây giáp đường Giá Rai - Phong Tân, cạnh dài 51,50m

Hướng Nam giáp Lê Phước V, cạnh dài 68,00m + 262,47m

Hướng Bắc giáp Lý Văn Th, cạnh dài 75,07m + 259,24m.

Hai phần đất tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Tân, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

3/ Giao cho bà Lê Thị Đ căn nhà chính có chiều dài 12,17m, chiều ngang 7,82m, diện tích 95,16m² có kết cấu nền lót gạch tàu, móng bê tông cốt thép, có gia cố cừ tràm, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch trát 2 mặt, sơn nước, mái lợp ngói, khung kèo bê tông cốt thép, nhà cấp 4 loại III 1A (3). Nhà phụ có chiều dài 7,34m chiều ngang 5,14m, diện tích 37,72m², có kết cấu nền đất, cột cây gỗ địa phương, vách lá, mái lợp lá, khung kèo cây gỗ địa phương, 1 nhà tạm loại nhà T5C(4).

4/ Giao cho bà Lê Thị Đ số tiền nhà nước bồi thường thu hồi đất là 105.687.571đồng.

5/ Buộc bà Lê Thị Đ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Lê Phước B, bà Lê Thị H, ông Lê Phước V, ông Lê Phước Tr, bà Lê Thị P và ông Lê Phước D mỗi người số tiền 231.446.122đồng. Căn nhà hiện bà Lê Thị Đ đang quản lý, sử dụng.

6/ Giao cho ông Lê Phước Tr quản lý, sử dụng diện tích đất 8.670,62m² thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 15 (phần đất số V), có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Lê Phước Tr, cạnh dài 49,57m

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ IV, cạnh dài 50,24m

Hướng Nam giáp Lê Phước V, cạnh dài 174,05m

Hướng Bắc giáp Lý Văn Th, cạnh dài 175,57m.

7/ Buộc ông Lê Phước Tr hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Lê Phước B, bà Lê Thị H, ông Lê Phước V, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị P và ông Lê Phước D mỗi người số tiền 52.023.600đồng.

8/ Kiến nghị UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại quyết định phần 2 và 6 nêu trên để cấp lại cho bà Lê Thị Đ và ông Lê Phước Tr theo quy định pháp luật.

9/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Tờ phân chia tài sản ngày 20/01/2005.

10/ Chi phí giám định, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp:

Chi phí giám định 03 lần số tiền 10.225.000đồng, ông V nộp 5.000.000đồng, bà Lê Thị H nộp 5.225.000đồng và đã chi hết. Ông B, bà Lê Thị H, ông V mỗi người phải chịu 3.408.333đồng, nên ông B có nghĩa vụ hoàn cho bà Lê Thị H số tiền 1.816.666đồng, ông B có nghĩa vụ hoàn cho ông V số tiền 1.591.667đồng.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp số tiền 2.000.000đồng, bà Lê Thị H đã nộp và đã chi hết, nên buộc ông B, ông V, bà Đ, ông Lê Phước Tr, bà Lê Thị P và ông Lê Phước D mỗi người hoàn lại cho bà Lê Thị H số tiền 285.714đồng.

11/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Đ chịu số tiền 72.185.603đồng.

Ông Lê Phước B, bà Lê Thị H, ông Lê Phước V, ông Lê Phước Tr, bà Lê Thị P và ông Lê Phước D mỗi người phải chịu số tiền 14.834.033đồng.

Bà Lê Thị H được khấu trừ số tiền 18.069.000đồng tạm ứng án phí DSST theo các Biên lai thu số 0009617 ngày 28/12/2017, số 0009672 ngày 20/6/2018, số 0009697 ngày 22/8/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bạc Liêu, nên hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 3.234.967đồng.

Ông Lê Phước B, ông Lê Phước V được khấu trừ số tiền 3.700.000đồng tạm ứng án phí DSST theo các Biên lai thu số 0009618, số 0009619 cùng ngày 28/12/2017, nên ông B, ông V mỗi người phải nộp tiếp số tiền 11.134.033đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/10/2020 bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Phước Tr làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của các ông bà, đề nghị phúc xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn ông B, bà Lê Thị H, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn bà Đ và Luật sư bảo vệ bà Đ cho rằng, phía ông B, bà Lê Thị H, ông V đều đã ký vào các tài liệu là các giấy tờ cho tặng cũng như các giấy tờ hợp gia đình, nay tiếp tục đòi chia tài sản là không đúng. Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Phía người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước Tr và bà Lê Thị P đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án nêu trên là chưa đúng quy định của pháp luật, vì vậy Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Phước Tr và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Tp.HCM làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[2.1] Những căn cứ xác định nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy phân chia tài sản được lập ngày 20/1/2005 có nội dung:

Tôi Lê Phát Đ sinh năm 1924 xác định hiện có 1 thửa đất 23.100m² từ thuở khai quang đến khi thành thuộc và được quyết định của UBND huyện Giá Rai cấp ngày 26/8/1995, tôi có 8 người con tôi đã chia đất cho 7 người xong còn lại 1 người chưa chia, nay vì tuổi già sức yếu nên tôi cho Lê Phước D số đất kể trên gồm có đất thổ cư và nhà ở kiên cố dài 12m rộng 7,2m cao 7,6m đất vườn và đất trồng lúa cho Lê Phước D toàn quyền sử dụng.

Thành phần tham dự gồm có ông Hồng Văn B đại diện chính quyền địa phương, có bà Đ, ông B, bà Lê Thị P, bà Lê Thị H, ông Lê Phước Tr, ông V đồng ký tên. Tại văn bản này có ông Hồng Văn B là đại diện cho ấp ký tên và có đóng dấu chứng thực chữ ký của UBND xã Phong Tân, huyện Giá Rai vào ngày 21/1/2005.

Căn cứ Biên bản họp gia đình ngày 29/3/2013 có nội dung:

Ông B, bà Đ, bà Lê Thị P, bà Lê Thị H, ông Lê Phước Tr, ông Lê Phước Đ, ông V, ông Lê Phước D đều thống nhất cho bà Đ được đứng tên và được toàn quyền sử dụng đối với các phần diện tích còn lại.

Căn cứ Kết luận giám định số 02 ngày 04/12/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu và Kết luận giám định số 1176/GĐ-2019 ngày 26/2/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an có nội dung:

Chữ ký của bà Lê Thị H và ông Lê Phước Đ tại Biên bản họp gia đình ngày 29/3/2013 so với các mẫu so sánh là do một người ký ra.

Căn cứ Kết luận giám định số 123/GĐ-2019 ngày 22/11/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự tỉnh Bạc Liêu, nội dung:

Chữ ký, chữ viết của ông V tại Biên bản họp gia đình ngày 29/3/2013 so với các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Căn cứ Văn bản xác minh 11/9/2000 có nội dung:

Ông Hồng Văn B đại diện Ban nhân dân ấp, xác định có ký tên vào Biên bản họp gia đình ngày 29/3/2013, tuy nhiên nội dung thì ông không biết là do đã thấy chữ ký sẵn của 8 anh em ký vào.

[2.2] Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định:

Nguồn gốc đất tranh chấp là di sản chia thừa kế của vợ chồng ông Lê Phát Đ chết năm 2008 và bà Trần Thị T chết năm 1972 để lại, ông Lê Phát Đ và bà Trần Thị T có tất cả 8 người con gồm bà Đ, ông B, bà Lê Thị H, bà Lê Thị P, ông Lê Phước Tr, ông Lê Phước Đ, ông V, ông Lê Phước D. Vợ chồng ông Lê Phát Đ, bà Trần Thị T có tạo lập được diện tích đất 22.389,2m² hiện bà Đ đang đứng tên quyền sở hữu nhà đất và phần đất 8.670m² hiện ông Lê Phước Tr đang đứng tên quyền sử dụng đất.

Phía nguyên đơn cho rằng: Toàn bộ diện tích trên là tài sản thừa kế của cha mẹ để lại nên yêu cầu chia di sản thừa kế đối với 2 phần diện tích nêu trên.

Phía bị đơn cho rằng: Diện tích 22.389,2m² thì ông Lê Phát Đ đã cho ông Lê Phước D vào năm 2005, ông Lê Phước D cho bà Đ đứng tên từ năm 2013, đối với diện tích 8.670,6m² thì ông Lê Phát Đ đã chuyển nhượng cho ông Lê Phước D, vào năm 2018 ông Lê Phước D có chuyển nhượng lại cho ông Lê Phước Tr là hợp pháp nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Do các bên đương sự không thống nhất về các yêu cầu, nên từ đó đã phát sinh tranh chấp.

[2.3] Xét:

Đối với phần tranh chấp diện tích 22.389,2m²:

Diện tích đất này được UBND huyện Giá Rai cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 26/8/1995 cho ông Lê Phát Đ, vào năm 2005 ông Lê Phát Đ đã làm Văn bản phân chia tài sản là diện tích đất nêu trên cho ông Lê Phước D, Văn bản này có các con của ông Lê Phát Đ là ông Lê Phước B, bà Lê Thị H, ông Lê Phước V và những

người con khác ký tên đồng ý, được UBND xã Phong Tân chứng thực ngày 21/01/2005. Sau đó ông Lê Phước D đã giao cho bà Đ đứng tên và bà Đ được cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Ông B, bà Lê Thị H, ông V khởi kiện đòi chia thừa kế diện tích đất trên, tuy nhiên Văn bản phân chia tài sản của ông Lê Phát Đ đã thể hiện ý chí của ông Lê Phát Đ và thực tế những người con của ông Lê Phát Đ trong đó có ông B, và Lê Thị H, ông V (là nguyên đơn) đều ký tên đồng ý vào Văn bản này, do đó diện tích đất tranh chấp nêu trên tại thời điểm các bên lập Văn bản năm 2005 đã không còn là di sản thừa kế như yêu cầu của phía nguyên đơn, do đó yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đối với phần tranh chấp diện tích 8.670m²:

Theo ông Lê Phước Tr trình bày thì phần diện tích này ông Lê Phát Đ đã chuyển nhượng cho ông Lê Phước D, sau đó ông Lê Phước D chuyển nhượng cho ông Lê Phước Tr.

Mặc dù việc chuyển nhượng từ ông Lê Phát Đ sang ông Lê Phước D và từ ông Lê Phước D sang ông Lê Phước Tr không lập hợp đồng chuyển nhượng, nhưng giữa ông Lê Phát Đ, ông Lê Phước D, ông Lê Phước Tr là cha con ruột, anh em ruột với nhau, tại thời điểm 1998 ông Lê Phát Đ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất những phần còn lại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/3/1998 gồm các thửa đất 0232, 0233, 0236, 0237 nhưng không đăng ký phần đất hiện đang tranh chấp thuộc thửa 0239, phần này do ông Lê Phước Tr kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/4/1998 thuộc thửa 0239 diện tích 10.000m² loại đất lúa.

Tại Văn bản chia tài sản năm 2005 ông Lê Phát Đ và mọi người trong gia đình không ai đề cập đến phần đất thửa 0239, vì thời điểm này ông Lê Phước Tr đã đứng tên xong, ông Lê Phước Tr sử dụng từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

Tại Văn bản số 63/TNMT ngày 09/7/2019 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giá Rai xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất trên cho ông Lê Phước Tr tính đến thời điểm hiện tại không có cá nhân tổ chức nào khiếu nại hay tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi chia thừa kế đối với các phần diện tích đất nêu trên của phía nguyên đơn, là chưa xem xét đến các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ như đã viện dẫn, do đó cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Phước Tr và chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Tp.HCM, sửa Bản sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên phía nguyên đơn phải chịu theo luật định. Ông B, bà Lê Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí DSST.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên phía người kháng cáo không phải chịu.

[5] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị P, ông Lê Phước Tr và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 37, 39, 91, 137 Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 630, 631, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự; Áp dụng Nghị quyết của Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án; Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước B, bà Lê Thị H, ông Lê Phước V về việc đòi chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 22.047,92m², diện tích 8.670,62m² cùng tọa lạc tại ấp 18, xã Phong Tân, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu đòi hủy Tờ phân chia tài sản lập ngày 20/01/2005, Văn bản họp gia đình lập ngày 29/3/2013.

2/ Về Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Phước B, bà Lê Thị H được miễn nộp; Hoàn trả cho ông Lê Phước B số tiền 3.700.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0009618 ngày 28/12/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bạc Liêu; Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 18.069.000đồng tạm ứng án phí DSST theo các Biên lai thu số 0009617 ngày 28/12/2017, số 0009672 ngày 20/6/2018, số 0009697 ngày 22/8/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Ông Lê Phước V chịu số tiền 14.834.033đồng, được khấu trừ số tiền 3.700.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0009619 ngày 28/12/2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bạc Liêu, như vậy ông V còn phải nộp tiếp số tiền 11.134.033đồng.

3/ Về Án phí Dân sự phúc thẩm: Những người kháng cáo không phải chịu.

Hoàn lại ông Lê Phước Tr, bà Lê Thị P, bà Lê Thị Đ, ông Lê Phước D mỗi người số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo các Biên lai thu số 0014933, 0014934, 0014935, 0014936 cùng ngày 12/10/2020 của Cục Thi hành án

Dân sự tỉnh Bạc Liêu.

4/ Chi phí giám định, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp:

Chi phí giám định 03 lần số tiền 10.225.000đồng, ông V nộp 5.000.000đồng, bà Lê Thị H nộp 5.225.000đồng đã chi xong, nên ông B, bà Lê Thị H, ông V mỗi người chịu số tiền 3.408.333đồng, nên ông B có nghĩa vụ hoàn cho bà Lê Thị H số tiền 1.816.666đồng, ông B có nghĩa vụ hoàn cho ông V số tiền 1.591.667đồng.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản số tiền 2.000.000đồng bà Lê Thị H đã nộp và đã chi xong, nên ông B, ông V mỗi người hoàn lại cho bà Lê Thị H số tiền 666.666đồng.

5/ Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN